TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **23**/2025/HNGĐ - ST Ngày 28-5-2025 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Dệt

2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hà Đức Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2025/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST - HNGĐ ngày 16/5/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm 1990 (có mặt)

ĐKHKTT: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn Y, xã G, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn*: Anh Lê Trọng Q, sinh năm 1992 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2025, bản tự khai ngày 27/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Trọng Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc

đến tháng 01/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Q ngoại tình và bạo lực với chị, không quan tâm đến gia đình. Năm 2020 chị đã làm đơn xin ly hôn nhưng đã được hai bên gia đình hòa giải nên chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng vẫn phát sinh mâu thuẫn mà không thể hòa giải và khắc phục được. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 12/02/2025. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh Lê Trọng Q không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Trọng Q.

- Về con chung: Chị và anh Q có 2 con chung là Lê Bảo Trâm, sinh ngày 08/01/2015 và Lê Trọng Anh Phong, sinh ngày 21/11/2024. Hiện nay 2 con đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi dưỡng 2 con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với anh Lê Trọng Q:* Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã thực hiện tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho anh Lê Trọng Q. Nhưng trong thời hạn quy định anh Q không nộp văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

** Tại Biên bản xác minh bà Lê Thị H - mẹ đẻ của anh Lê Trọng Q trình bày:*

Anh Lê Trọng Q là con trai của bà, anh Q có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Anh Q làm nghề lái xe đường dài, vài ngày về nhà một lần. Gia đình bà đã nhận được các văn bản của Tòa án. Ngay sau khi nhận bà đã thông báo cho anh Q biết. Bản thân anh Q cũng có lần nhận trực tiếp văn bản của Tòa án nên anh Q đã biết việc chị N xin ly hôn. Anh Q và chị N kết hôn với nhau vào năm 2014. Cách đây 3 năm anh Q và chị N phát sinh mâu thuẫn nên chị N đã làm đơn xin ly hôn. Nhưng sau đó chị N đã rút đơn quay về đoàn tụ. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Q có chơi bời, có quan hệ ngoại tình. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Nay chị N xin ly hôn, quan điểm của anh Q và gia đình mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh Q và chị N có 2 con chung hiện đang ở với chị N tại gia đình bên ngoại. Nếu vợ chồng ly hôn, do con đang còn nhỏ nên anh Q đồng ý để chị N nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản và nợ chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các văn bản tố tụng của Tòa án: Bà cam đoan sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án bà sẽ thông báo ngay lại cho anh Q biết và giao ngay lại khi anh Q về nhà.

** Tại phiên tòa:* Chị Lê Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề

nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Trọng Q. Về con chung: Chị có nguyện vọng xin được nuôi 2 con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự*:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị N được ly hôn anh Q.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 2 cháu Lê Bảo Tr sinh ngày 08/01/2015 và Lê Trọng Anh P, sinh ngày 21/11/2024 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản và nợ chung: Chị N và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Lê Trọng Q có hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Lê Thị N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Anh Lê Trọng Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Q vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt anh Q là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2. 1]. Hôn nhân giữa chị Lê Thị N và anh Lê Trọng Q dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Năm 2021 chị N đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn nhưng sau đó đã rút đơn quay về đoàn tụ. Quá trình vợ chồng chung sống vẫn xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay chị N đã đem 2 con về nhà ngoại ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02 năm 2025 đến nay. Tại phiên tòa chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ quan điểm ly hôn. Đối với anh Q, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Q vẫn vắng mặt không có lý do, không có biện pháp để vợ chồng hòa giải đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn anh Q là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị N và anh Q có 2 con chung là Lê Bảo Tr, sinh ngày 08/01/2015 và Lê Trọng Anh P, sinh ngày 21/11/2024. Hiện nay 2 con đang ở với chị N tại gia đình bên ngoại ở thôn Y, xã G, huyện C. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng xin được nuôi 2 con. Cháu Lê Bảo Tr cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ, cháu Lê Trọng Anh P đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy để tránh xáo trộn cuộc sống của con, đảm bảo cho các con phát triển tốt nhất cần giao 2 con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng, chị N không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2. 3]. Về tài sản và nợ chung: Chị N và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Lê Thị N được ly hôn anh Lê Trọng Q.

2. Về con chung: Giao 2 cháu Lê Bảo Tr, sinh ngày 08/01/2015 và Lê Trọng Anh P, sinh ngày 21/11/2024 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Trọng Q có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số 0000963 ngày 25/02/2025. Chấp nhận chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã G;
- Đương sự;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà